

**BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Nghị quyết số:

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Về “Thực hiện hiệu quả tiến trình Hội nhập quốc tế, giữ vững ổn định để phát triển bền vững, khi nước ta tham gia các thỏa thuận kinh tế, thương mại mới”.

I. TÌNH HÌNH

Quá trình hội nhập quốc tế được Đảng ta khởi xướng và đẩy mạnh cùng với sự nghiệp Đổi mới. Đại hội lần thứ IX của Đảng đã đề ra chủ trương “chủ động hội nhập kinh tế quốc tế”; ngày 27-11-2001, Bộ Chính trị khóa IX đã ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TW về hội nhập kinh tế quốc tế. Đại hội lần thứ X của Đảng khẳng định chủ trương “chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực khác”; ngày 05-02-2007, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Đại hội lần thứ XI của Đảng thông qua chủ trương “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế”; ngày 10-04-2013, Bộ Chính trị khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 22-NQ/TW về hội nhập quốc tế. Đại hội lần thứ XII của Đảng tiếp tục khẳng định chủ trương “chủ động, tích cực hội nhập quốc tế”, đồng thời nhấn mạnh “nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế”.

1- Việc thực hiện các chủ trương của Đảng đã đạt nhiều thành tựu, trong đó, nổi bật là:

Có sự chuyển biến mạnh mẽ tư duy về xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế; mục tiêu, quan điểm chỉ đạo và các định hướng lớn về hội nhập quốc tế ngày càng được làm rõ và cụ thể hóa; nhiều chủ trương, định hướng hội nhập quốc tế đã đạt được đồng thuận cao trong toàn Đảng và toàn dân. Năng lực đội ngũ cán bộ từ trung ương đến địa phương được nâng lên; tổ chức, bộ máy các cơ quan quản lý nhà nước về hội nhập quốc tế được củng cố. Đội ngũ doanh nhân Việt Nam có bước trưởng thành.

Hội nhập quốc tế trở thành một trong những động lực quan trọng cho phát triển kinh tế-xã hội, góp phần tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hệ thống pháp luật ngày càng hoàn thiện; năng lực cạnh tranh quốc gia và của các doanh nghiệp được nâng lên; mở rộng thị trường, tranh thủ được khối lượng lớn vốn đầu tư, tri thức, công nghệ và các nguồn lực quan trọng khác; quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam, góp phần nâng cao dân trí và đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân.

Quan hệ của nước ta với các đối tác trên thế giới ngày càng được mở rộng và đi vào chiều sâu. Đến nay, nước ta đã lập quan hệ ngoại giao với 187 nước, quan hệ kinh tế với hơn 224 nước và vùng lãnh thổ, trong đó có quan hệ đối tác chiến lược với 15 nước và quan hệ đối tác toàn diện với 10 nước; là thành viên của hầu hết các tổ chức khu vực và quốc tế quan trọng với vị thế và vai trò ngày càng được nâng cao.

Hội nhập quốc tế đã đóng góp quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; cải thiện đời sống nhân dân; nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

2- Bên cạnh kết quả đạt được, còn nhiều hạn chế, yếu kém, nổi bật là:

Chủ trương của Đảng, nhất là các quan điểm chỉ đạo quá trình hội nhập, chưa được quán triệt đầy đủ và thực hiện nghiêm túc, kịp thời. Trong triển khai thực hiện còn bị tác động bởi cách tiếp cận phiến diện, ngắn hạn và các lợi ích cục bộ, do đó, không tận dụng được hết các cơ hội và ứng phó hữu hiệu với các thách thức từ hội nhập quốc tế.

Quá trình hội nhập quốc tế và quá trình đổi mới, nhất là đổi mới thể chế, ở trong nước chưa được thực hiện một cách đồng bộ. Hội nhập chưa gắn kết chặt chẽ với quá trình nâng cao sức cạnh tranh, yêu cầu củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Do đó, Hội nhập đã gây ra những tác động tiêu cực tới nội lực của đất nước, góp phần làm trầm trọng hơn các vấn đề xã hội, nhất là phân hóa giàu nghèo, vùng, miền, môi trường sinh thái.

Chưa tạo dựng được vị thế ổn định, sự đan xen lợi ích và tùy thuộc lẫn nhau lâu dài trong quan hệ với các đối tác, nhất là các đối tác quan trọng đối với an ninh và phát triển của đất nước. Khả năng xử lý các tác động kinh tế, chính trị, an ninh và văn hóa từ những biến động của môi trường khu vực và quốc tế chưa được bên ngoài chưa được cải thiện một cách cơ bản. Hội nhập kinh tế quốc tế và hội nhập trong tất cả các lĩnh vực khác chưa được tiến hành đồng bộ trên cơ sở chiến lược hội nhập chung gắn với chiến lược phát triển kinh tế-xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

3- Thời gian tới, tình hình khu vực và thế giới tiếp tục diễn biến khó lường, nhiều mặt phức tạp hơn. Nước ta trở thành nước thu nhập trung bình thấp, cơ hội tiếp cận tới các điều kiện thuận lợi về thị trường và nguồn vốn quốc tế không còn như trước. Việt Nam phải thực hiện đầy đủ cam kết với Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và triển khai thực hiện các thỏa thuận kinh tế, thương mại mới, trong đó có Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) với phạm vi và mức độ cam kết rộng và sâu hơn tất cả các thỏa thuận trước đây. Hội nhập quốc tế đặt ra các cơ hội và thách thức mới:

3.1- Cơ hội

Một là, chúng ta có cơ hội mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu và nguồn cung nguyên liệu đầu vào với mức ưu đãi cao. Khi thực thi toàn bộ các FTA, nước ta sẽ trở thành một tâm điểm, mắt xích quan trọng của mạng lưới liên kết kinh tế rộng lớn. Đây là yếu tố quan trọng để nước ta tham gia liên kết, hội nhập ở cấp độ cao hơn, tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng, mạng lưới sản xuất toàn cầu, mở rộng không gian phát triển, thúc đẩy kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững.

Hai là, thực hiện các cam kết của các FTA thế hệ mới sẽ góp phần tích cực đẩy mạnh hơn đổi mới toàn diện đất nước. Thể chế kinh tế thị trường ở nước ta ngày càng hoàn thiện, môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi hơn, khơi dậy mạnh mẽ những tiềm năng to lớn của đất nước và sức sáng tạo của các tầng lớp nhân dân; việc phân bổ và sử dụng các nguồn lực sẽ hiệu quả hơn; tăng trưởng kinh tế, do đó, sẽ nhanh và bền vững hơn.

Ba là, các FTA thế hệ mới sẽ tạo thêm thế và lực cho nước ta để từng bước tham gia sâu hơn vào quá trình xây dựng chính sách, chuẩn mực thương mại toàn cầu mới đang định hình, thúc đẩy hình thành các cơ chế hợp tác và quan hệ quốc tế công bằng, bình đẳng và dân chủ hơn, có điều kiện thuận lợi để đấu tranh bảo vệ lợi ích quốc gia-dân tộc cũng như lợi ích của địa phương và doanh nghiệp

Bốn là, tham gia các FTA thế hệ mới và Cộng đồng ASEAN giúp chúng ta có những thuận lợi mới để thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, mở rộng và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, tăng cường đan xen lợi ích lâu dài, phát huy vai trò của nước ta trong các tổ chức khu vực và quốc tế, qua đó góp phần củng cố và duy trì môi trường hòa bình, ổn định, phục vụ bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và phát triển kinh tế-xã hội.

Năm là, các địa phương, doanh nghiệp Việt Nam có thêm cơ hội đa dạng hóa thị trường, đối tác, mở rộng tiếp cận nguồn nguyên liệu, vốn đầu tư, công nghệ, tri thức, tiết kiệm chi phí sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng, hiệu quả kinh doanh. Người tiêu dùng có thêm cơ hội lựa chọn hàng hóa, dịch vụ chất lượng cao, giá cả cạnh tranh; bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh, môi trường; có thêm điều kiện đấu tranh bảo vệ quyền lợi chính đáng của doanh nghiệp và người tiêu dùng.

3.2- Thách thức

Thứ nhất, thách thức lớn và trực diện nhất là sức ép cạnh tranh ngày càng gay gắt trên cả ba cấp độ quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm. Việc thực hiện các FTA thế hệ mới có phạm vi cam kết rộng hơn với tiêu chuẩn cao hơn và thời gian chuyển đổi ngắn hơn WTO khiến nhiều ngành, doanh nghiệp và sản phẩm của nước ta sẽ gặp rất nhiều khó khăn không chỉ trên thị trường thế giới mà ngay trên thị trường trong nước. Điều này đòi hỏi Chính phủ, các ngành hàng, doanh nghiệp và người dân phải nỗ lực nhiều hơn trong nâng cao năng lực cạnh tranh.

Thứ hai, việc thực thi các cam kết có tiêu chuẩn cao, phạm vi rộng, bao gồm các yêu cầu điều chỉnh hệ thống luật pháp, kể cả trong các lĩnh vực xã hội đặt ra thách thức lớn về đổi mới, cải cách thể chế ở trong nước, giải quyết những vấn đề phức tạp, nhạy cảm về an ninh, đảm bảo công bằng xã hội, giảm thiểu sự phân hóa vùng, miền, giàu – nghèo, giữ vững ổn định chính trị-xã hội.

Thứ ba, hội nhập càng rộng, càng sâu hơn, các biến động từ môi trường bên ngoài, nhất là từ thị trường quốc tế sẽ tác động mạnh hơn, nhanh hơn đến mọi mặt đời sống chính trị, kinh tế, xã hội và an ninh, ảnh hưởng tiêu cực đến ổn định và phát triển bền vững của đất nước.

Thứ tư, đội ngũ cán bộ, công chức chưa đủ năng lực chuyên môn, ngoại ngữ để bảo đảm một cách tối ưu của đất nước trong quá trình hội nhập. Chúng ta còn thiếu đội ngũ luật sư giỏi, thông thạo luật pháp quốc tế và ngoại ngữ để bảo vệ các lợi ích chính đáng của đất nước, của các tổ chức, cá nhân. Đặc biệt, chúng ta còn thiếu đội ngũ doanh nhân có đầy đủ kiến thức về luật pháp, bản lĩnh, năng lực và ý chí kinh doanh.

Thứ năm, cùng với những tồn tại, yếu kém chưa được khắc phục, các thách thức từ hội nhập quốc tế thời gian tới đặt ra những thách thức lớn đối với chế độ chính trị, vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, và việc giữ vững ổn định chính trị-xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái cho phát triển bền vững của đất nước.

Những cơ hội và thách thức nêu trên có mối quan hệ qua lại và có thể chuyển hóa lẫn nhau. Cơ hội có thể trở thành thách thức nếu không được tận dụng. Thách thức có thể biến thành cơ hội nếu chúng ta chủ động ứng phó thành công và kịp thời. Thực tiễn hội nhập thời gian qua, nhất là từ khi nước ta trở thành thành viên WTO cho thấy, với đường lối, chính sách đúng, với nỗ lực, sự năng động và sức sáng tạo của toàn Đảng, toàn dân, chúng ta đã vượt qua nhiều thách thức, biến thách thức thành động lực cho phát triển.

II. Mục tiêu, quan điểm chỉ đạo và một số chủ trương, chính sách lớn:

1. Mục tiêu

Thực hiện hiệu quả tiến trình hội nhập quốc tế, giữ vững ổn định chính trị-xã hội nhằm tranh thủ tối đa các nguồn lực quốc tế để phát triển bền vững, nâng cao đời sống nhân dân; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; nâng cao vị thế quốc tế của đất nước; góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ trên thế giới.

2. Quan điểm chỉ đạo:

Triển khai đồng bộ và toàn diện đường lối đối ngoại đa dạng hóa, đa phương hóa, là bạn, đối tác tin cậy, thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, trong đó chú trọng một số điểm sau:

- Kiên định mục tiêu hội nhập quốc tế vì lợi ích quốc gia-dân tộc, trên cơ sở luật pháp quốc tế, bình đẳng, cùng có lợi; Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế là định hướng chiến lược lớn để phát triển và bảo vệ Tổ quốc XHCN; chủ động và tích cực trong tất cả các bước hội nhập và chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện cần thiết để hội nhập hiệu quả.

- Hội nhập quốc tế là sự nghiệp của toàn dân. Phát huy sự tham gia chủ động, tích cực và khả năng sáng tạo của mọi người dân, nhất là doanh nhân vào quá trình hội nhập quốc tế. Doanh nhân là lực lượng đi đầu trong hội nhập kinh tế quốc tế. Mọi cơ chế chính sách cần phù hợp với các cam kết quốc tế nhưng phải tạo điều kiện cho sự phát triển và gia tăng tính cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam.

- Phát huy tối đa và khai thác hiệu quả các nguồn lực, trước hết là nội lực; Hội nhập quốc tế theo lộ trình phù hợp với sự chuẩn bị ở trong nước và đóng góp tích cực vào quá trình gia tăng khả năng thích ứng của đất nước, mức độ liên kết giữa các ngành, lĩnh vực, giữa các vùng, miền trong cả nước; thận trọng nhưng sẵn sàng tạo đột phá để không bỏ lỡ thời cơ.

- Nâng cao hiệu quả tiến trình Hội nhập quốc tế để giữ vững ổn định chính trị-xã hội. Giữ vững ổn định chính trị-xã hội là điều kiện tiên quyết để hội nhập hiệu quả vào khu vực và thế giới. Chủ động giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình tham gia các hiệp định kinh tế, thương mại mới; các vấn đề xã hội, nhất là phân hóa giàu-nghèo, vùng miền; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; bảo vệ môi trường sinh thái.

- Đẩy mạnh việc triển khai toàn diện và đồng bộ sự nghiệp đổi mới, trước hết là đổi mới thể chế, có ý nghĩa quyết định đối với hiệu quả của hội nhập quốc tế, giữ vững ổn định chính trị-xã hội trong bối cảnh mới.

- Hội nhập kinh tế tiếp tục là trung tâm; đẩy mạnh hội nhập trên các lĩnh vực khác để tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế, đồng thời khai thác hiệu quả các tác động tích cực từ hội nhập để hoàn thành các nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

- Nghiêm chỉnh tuân thủ các cam kết, chủ động và tích cực đóng góp vào quá trình xây dựng các quy tắc và luật lệ mới; đồng thời, khai thác hiệu quả các quy định và luật lệ quốc tế để bảo vệ lợi ích hợp pháp của đất nước, tổ chức và cá nhân Việt Nam.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả quản lý và vai trò định hướng, dẫn dắt, tạo môi trường của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân

dân, tăng cường sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân trong tiến trình hội nhập quốc tế.

3. Một số chủ trương, chính sách lớn:

3.1. Chủ trương, chính sách chung

Tuyên truyền và phổ biến rộng rãi trong cán bộ, đảng viên và mọi tầng lớp nhân dân về chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về hội nhập quốc tế. Trọng tâm là những thách thức, cơ hội đối với đất nước, các ngành nghề, lĩnh vực, mọi tầng lớp nhân dân khi Việt Nam tham gia các hiệp định kinh tế, thương mại mới. Mục tiêu nhằm tạo sự đồng thuận cao trong xã hội, phát huy cao độ tinh thần chủ động sáng tạo, ý chí tự cường của mọi người dân, xây dựng quyết tâm tận dụng thời cơ, vượt mọi thách thức, nâng cao hiệu quả tiến trình hội nhập quốc tế, phát triển ổn định, bền vững trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định kinh tế, thương mại mới, trong đó có Hiệp định TPP và Cộng đồng kinh tế ASEAN.

Nâng cao chất lượng công tác tư tưởng, lý luận; tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên. Các cấp ủy, tổ chức Đảng phải quản lý chặt chẽ đối ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các cấp về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; về các mối quan hệ xã hội ở nơi công tác và nơi cư trú. Trên cơ sở đó chủ động kịp thời phát hiện, đấu tranh với các luận điểm không đúng với đường lối của Đảng, chủ trương xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế.

Hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội nghĩa do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp, xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn, trong sạch; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ; phát huy dân chủ, tăng cường trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương.

Đẩy nhanh quá trình hoàn thiện thể chế, hệ thống pháp luật với lộ trình cụ thể, đáp ứng được các chuẩn mực quốc tế, loại bỏ dần các biện pháp mệnh lệnh - hành chính. Chú trọng nội luật hóa những điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; tăng cường năng lực thực thi pháp luật; phát triển đồng bộ các dịch vụ pháp lý, đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ pháp lý.

Tập trung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo hướng: (i) tuân thủ đầy đủ các quy luật của kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, (ii) dưới sự quản lý của nhà nước, (iii) do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, (iv) tạo hành lang pháp lý thuận lợi, an toàn và thân thiện cho hoạt động đầu tư, kinh doanh và cạnh tranh.

Thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục quốc dân. Phát triển hợp lý và bảo đảm bình đẳng giữa giáo dục công lập và giáo dục ngoài công lập. Khuyến khích phát triển các trường chất

lượng cao ở tất cả các cấp học. Đẩy mạnh dạy nghề và gắn kết đào tạo với doanh nghiệp. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất sản phẩm.

Hoàn thiện tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương. Xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội đối với chính quyền các cấp. Tập trung vào dịch vụ công, bảo đảm an sinh xã hội, an toàn xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội cải thiện đời sống nhân dân. Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy phù hợp với chính quyền đô thị, hải đảo.

Đẩy cao vai trò kiểm tra giám sát của các cơ quan đặc biệt là Quốc hội. Nâng cao vai trò phản biện và nhất là dẫn dắt phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể/tổ chức chính trị xã hội.

3.2. Chủ trương, chính sách lớn trong các lĩnh vực

3.2.1. Kinh tế

Đối với Chính phủ

Đổi mới tư duy, phương thức lãnh đạo, điều hành, quản lý nền kinh tế theo hướng phát huy vai trò kiến tạo và xây dựng khuôn khổ chính sách thương mại mới, đồng bộ, toàn diện với tầm nhìn dài hạn, cách tiếp cận đa ngành, đa lĩnh vực.

Nâng cao năng lực quản lý nhà nước, tăng tính tự chủ và hiệu quả trong xử lý công việc: (i) nâng cao năng lực và phẩm chất cán bộ, (ii) giảm thiểu tiến tới loại bỏ tối đa các quy định không phù hợp, chồng chéo, (iii) hoàn thiện hệ thống các quy định và nguyên tắc bảo đảm minh bạch, tránh sai sót, chống lạm quyền (iv) thúc đẩy xây dựng và hoàn thiện chính phủ điện tử.

Phát triển đồng bộ và hình thành thông suốt các loại thị trường, trọng tâm là: (i) đa dạng hóa thị trường hàng hóa dịch vụ, (ii) cơ cấu lại thị trường tài chính, đặc biệt chú ý tới hình thành và phát triển thị trường mua bán nợ, thị trường các công cụ phái sinh, thị trường cho thuê tài sản, (iii) vận hành thông suốt thị trường bất động sản, (iv) liên thông thị trường lao động cả về quy mô, chất lượng, cơ cấu và ngành nghề, (v) phát triển đồng bộ thị trường khoa học - công nghệ.

Đẩy mạnh cơ cấu lại công nghiệp, tạo nền tảng cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trọng tâm: (i) đẩy nhanh phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng khoa học, công nghệ, có tỷ trọng giá trị quốc gia và giá trị tăng thêm cao; có lợi thế cạnh tranh, tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu; (ii) thúc đẩy công nghiệp hóa trong nông nghiệp; (iii) hỗ trợ phát triển kinh tế biển.

Tạo mọi điều kiện thuận lợi phát triển của các doanh nghiệp việt Nam¹, trọng tâm là doanh nghiệp tư nhân², trên cơ sở đó nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Bảo đảm doanh nghiệp tư nhân được tiếp cận bình đẳng các

¹ Theo quy định trong TPP, một doanh nghiệp được coi là doanh nghiệp nội khi có 51% vốn của một quốc gia (nhà nước, hoặc tư nhân).

² “Kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế” – Văn kiện Đại hội XI. Cho đến nay, tỷ lệ các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ chiếm trên 96% tổng doanh nghiệp tại Việt Nam.

nguồn lực. Trước mắt, ưu tiên sớm ban hành Luật hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ; Luật Công nghiệp hỗ trợ; xây dựng Chương trình tổng thể khởi nghiệp quốc gia; khuyến khích hình thành các Quỹ đầu tư mạo hiểm nhằm tăng cường nguồn vốn cho doanh nghiệp khởi nghiệp...

Đổi mới chiến lược thu hút và sử dụng nguồn vốn FDI theo hướng tập trung khuyến khích các lĩnh vực khả năng cạnh tranh và tạo sự lan tỏa như công nghiệp chế tạo, chế biến và nông nghiệp sạch có sử dụng công nghệ cao, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước. Phân định rõ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước theo cơ chế thị trường với thực hiện nhiệm vụ do Nhà nước giao để đảm bảo hàng hóa, dịch vụ cần thiết, công ích, quốc phòng an ninh.

Cơ cấu lại nông nghiệp và kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, trọng tâm là cải thiện đời sống nông thôn. Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh và tổ chức lại sản xuất, tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật; ổn định quỹ đất phục vụ mục tiêu an ninh lương thực quốc gia.

Cải cách thể chế, chính sách đối với nông nghiệp và nông thôn nhằm khắc phục những điểm yếu về làm ăn riêng rẽ, kết nối kém; khoa học công nghệ lạc hậu, cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn yếu; vốn ít, đất đai manh mún. Tập trung phát triển ngành nông nghiệp với các sản phẩm sạch, thân thiện với môi trường, có năng suất cao, có giá trị lớn và có khả năng xuất khẩu. Chú trọng phát triển làng nghề truyền thống và phát triển du lịch sinh thái với các sản phẩm nông nghiệp, các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, tạo hướng xuất khẩu đặc trưng của địa phương.

Tạo điều kiện phát triển cho những ngành nông nghiệp Việt Nam có thế mạnh như trồng trọt³, nuôi trồng thủy hải sản; chú ý có biện pháp hỗ trợ cho ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm. Trong trường hợp có ngành không thể tồn tại được trong quá trình hội nhập cần có biện pháp/kế hoạch chuyển đổi sản xuất lao động (trong đó cần có giải pháp ngay cho đời sống và phát triển bền vững của 4 tỉnh duyên hải miền trung chịu tác động của sự cố môi trường Formosa).

Khuyến khích phát triển bền vững kinh tế hợp tác, nòng cốt là hợp tác xã với nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng; tạo điều kiện cho kinh tế hộ phát triển có hiệu quả trên các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ; góp phần hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất đến chế biến, tiêu dùng.

Đối với địa phương, doanh nghiệp, hiệp hội:

Chủ động tìm hiểu, nghiên cứu tiến trình hội nhập quốc tế, nhất là các cam kết, lộ trình thực hiện của ta. Chủ động đánh giá tác động của các cam kết đối

³ Việt Nam là quốc gia xuất khẩu thứ 1 thế giới (về khối lượng) các sản phẩm hạt điều, tiêu đen; thứ 2 thế giới về Café hạt, sắn; thứ 3 thế giới về gạo, thứ 4 thế giới về cao su; thứ 5 thế giới về chè.

với triển vọng kinh doanh của ngành và của doanh nghiệp để xây dựng chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực ở từng địa phương phù hợp.

Nâng cao nhận thức và năng lực pháp lý về thương mại quốc tế để có thể đàm phán, thực thi đầy đủ và hiệu quả các thỏa thuận kinh doanh, bảo vệ lợi ích chính đáng của doanh nghiệp trước nguy cơ bị điều tra, áp thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp, đặc biệt trong bối cảnh nước ta vẫn chưa được công nhận là nền kinh tế thị trường, trong khi đang đẩy mạnh triển khai hội nhập quốc tế sâu rộng dựa trên các cam kết tiêu chuẩn cao.

Đẩy mạnh hợp tác, liên kết giữa các địa phương, doanh nghiệp trong nước cũng như với các địa phương, doanh nghiệp nước ngoài. Tận dụng hiệu quả nguồn nguyên phụ liệu xuất xứ nội khối để tăng cường tỷ lệ nội địa hóa nguyên phụ liệu. Đầu tư vào các vùng trồng nguyên liệu, phát triển công nghiệp phụ trợ nhằm giảm sự phụ thuộc vào nguồn cung từ bên ngoài. Các doanh nghiệp trong nước có thể cam kết ưu tiên sử dụng dịch vụ, tiêu thụ nguyên phụ liệu, sản phẩm của nhau, tạo thành chuỗi cung ứng nội địa nhằm giảm chi phí, tận dụng tốt hơn lợi thế so sánh và nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm.

Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn kết chặt chẽ doanh nghiệp với các cơ sở đào tạo, dạy nghề. Nội dung và chất lượng đào tạo nghề phải bám sát nhu cầu thị trường nội địa, khu vực và quốc tế để có thể tận dụng những cam kết về di chuyển thể nhân trong các FTA thế hệ mới và Cộng đồng Kinh tế ASEAN.

Đối với ngành hàng/sản phẩm:

Đối với những mặt hàng/ sản phẩm Việt Nam có thế mạnh cần hình thành kế hoạch tổng thể phát triển thành mặt hàng chiến lược với việc hình thành vùng chuyên canh, đi kèm với nó là các cụm công nghiệp dịch vụ phụ trợ; phát triển chuỗi giá trị hoàn chỉnh; đảm bảo xuất xứ nguyên liệu.

Đối với các mặt hàng chịu tác động lớn, trực tiếp từ biến động thị trường quốc tế (đặc biệt là các mặt hàng thiết yếu như xăng dầu, thức ăn chăn nuôi, sữa và nguyên liệu sữa...) cần chuẩn bị những giải pháp (kể cả hàng rào kỹ thuật, biện pháp phòng vệ...) phù hợp, không vi phạm các cam kết để bảo vệ và hỗ trợ phát triển các mặt hàng của Việt Nam, bảo đảm cho tính ổn định của các mặt hàng này qua đó bảo đảm ổn định xã hội.

Chủ động chuẩn bị và triển khai những biện pháp đấu tranh với chính sách/biện pháp hạn chế nhập khẩu của các quốc gia đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam. Nhất là trong bối cảnh xu hướng này sẽ gia tăng kèm theo trong giai đoạn tới. Tổ chức bộ máy chuyên trách giám sát, hướng dẫn, hỗ trợ thực thi các hiệp định FTA thế hệ mới.

Xây dựng cơ chế khuyến khích tinh thần và nỗ lực trong nghiên cứu và phát triển ngành hàng/sản phẩm. Đặt chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm cuối cùng là trọng tâm, kết quả phải hướng tới của hệ thống đổi mới sáng tạo.

3.2.2. Ngoại giao - quốc phòng - an ninh

Thực hiện tốt chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Tăng cường sức mạnh quốc phòng – an ninh phải luôn gắn với việc phát huy sức mạnh của lực lượng và thể trận quốc phòng toàn dân, với sức mạnh và lực lượng, thể trận an ninh nhân dân. Chú trọng xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên; phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh. Đẩy mạnh tuyên truyền trách nhiệm và nghĩa vụ của công dân về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Củng cố thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Kết hợp tốt nhiệm vụ quốc phòng với phát triển và hội nhập. Chủ động có biện pháp phù hợp bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ và các hoạt động, các lợi ích quốc gia – dân tộc. Theo sát, nắm chắc tình hình làm thất bại mọi âm mưu lợi dụng hội nhập, gắn kết kinh tế để tuyển dụng hoặc đưa người vào Việt Nam của những thế lực phản động.

Đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, nhất là các đối tác có tầm quan trọng chiến lược đối với sự phát triển và an ninh của đất nước, đưa khuôn khổ quan hệ đã xác lập đi vào thực chất, tạo sự đan xen gắn kết lợi ích giữa nước ta với các đối tác; tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế để duy trì môi trường hòa bình ổn định, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, nhất là năng lực quản lý và chấp pháp trên biển.

Chủ động và tích cực tham gia các cơ chế đa phương về quốc phòng, an ninh, trước hết các cơ chế trong khuôn khổ ASEAN và do ASEAN làm chủ đạo. Tham gia hoạt động hợp tác ở mức cao hơn trong khuôn khổ hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc, kiểm soát vũ khí hủy diệt hàng loạt, diễn tập chung tiến tới tập trận chung và các hoạt động khác, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và góp phần đưa quan hệ với các đối tác đi vào chiều sâu, ổn định, hiệu quả.

Xây dựng kế hoạch và triển khai cơ cấu, sắp xếp, tổ chức lại doanh nghiệp trong lực lượng vũ trang có lộ trình. Tạo điều kiện các doanh nghiệp trong lực lượng vũ trang chủ động tham gia hội nhập quốc tế, thực hiện tốt việc sản xuất, kinh doanh kết hợp bảo đảm an sinh xã hội, an ninh quốc phòng. Chuẩn bị sẵn phương án để các doanh nghiệp trong lực lượng vũ trang dần từng bước điều chỉnh hoạt động và kinh doanh theo của cam kết của Việt Nam trong các hiệp định kinh tế, thương mại mới.

Giáo dục nâng cao cảnh giác cách mạng cho toàn Đảng, toàn dân nhận thức rõ về âm mưu và sự tinh vi của các thế lực thù địch lợi dụng hội nhập quốc tế để tiến hành chiến lược diễn biến hòa bình để chống phá, lấy kinh tế để chuyển hóa chính trị, thay đổi chế độ chính trị Nhà nước ta. Chủ động, tỉnh táo, đấu tranh kịp

thời với những toan tính thông qua hội nhập quốc tế để xâm phạm an ninh quốc gia nước ta, đưa ra những yêu cầu có tính áp đặt về chính trị đối với ta.

Đẩy mạnh việc phòng chống tội phạm, kiên quyết triệt phá những băng nhóm tội phạm công nghệ cao, liên quốc gia. Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn. Tăng cường hiệu quả của các lực lượng thực thi pháp luật, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống.

Tăng cường phối hợp giữa các Bộ/ngành và địa phương trong xây dựng và ban hành những văn bản pháp luật phù hợp với các hiệp định kinh tế, thương mại mới; cũng như trong công tác giám sát, thẩm định, cấp phép các cơ sở đầu tư, kinh doanh tại các địa bàn có vị trí chiến lược xung yếu, các hành vi đầu tư kinh doanh mục đích xấu, trục lợi, không minh bạch của một số đối tượng nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam.

3.2.3. Văn hóa - xã hội và các lĩnh vực khác

Văn hóa

Giữ vững và phát huy truyền thống văn hóa, tập quán tốt đẹp của làng quê Việt Nam. Khai thác khía cạnh kinh tế của văn hóa, nâng cao hàm văn hóa trong các sản phẩm mang đặc trưng, đặc sắc, biểu tượng của mỗi địa phương. Coi đây là một trong những giải pháp cho bảo tồn, phát huy văn hóa dân tộc, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương nói riêng và của đất nước nói chung.

Đẩy mạnh hợp tác song phương và đa phương về văn hóa; đấu tranh chống, ngăn chặn sự xâm nhập của những sản phẩm văn hóa không lành mạnh từ bên ngoài xâm nhập vào Việt Nam (đặc biệt là trên Internet). Đồng thời, tập trung nâng cao sức đề kháng, phản vệ của người Việt Nam, đặc biệt là giới trẻ, đối với những văn hóa không lành mạnh, không phù hợp với thuần phong mỹ tục; phản bác kịp thời, hiệu quả những luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực chống phá Nhà nước.

Sử dụng các phương tiện và công nghệ thông tin, truyền thông hiện đại, truyền thông đa phương tiện, xây dựng các Website riêng của các Hội nghệ thuật... để giới thiệu về đất nước, văn hóa và con người Việt Nam bằng nhiều ngôn ngữ; xây dựng các chương trình truyền hình vệ tinh bằng một số tiếng nước ngoài, giúp bạn bè quốc tế có cơ hội tiếp cận và hiểu hơn về Việt Nam.

Tiến hành quy hoạch, tạo dựng bản sắc riêng cho các lễ hội, festival cấp quốc gia và quốc tế được tổ chức định kỳ tại các tỉnh, thành phố lớn trong cả nước... phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và phong tục, tập quán, văn hóa của Việt Nam và với thông lệ quốc tế.

Đề cao việc phổ biến tiếng Việt ở nước ngoài; tích cực triển khai Đề án “Hỗ trợ việc dạy và học tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài” nhằm gìn giữ và

phát triển việc sử dụng tiếng Việt trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, đặc biệt là tại các địa bàn trọng điểm, nơi có cộng đồng người Việt lớn.

Xã hội

Thực hiện giảm nghèo bền vững theo cách tiếp cận đa chiều; thu hẹp khoảng cách phát triển giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng, các dân tộc, đảm bảo công bằng xã hội.

Chủ động xây dựng và thực hiện chính sách đảm bảo trợ giúp xã hội cho nhóm đối tượng chịu tác động không thuận của quá trình hội nhập (đặc biệt là nông dân và công nhân, người lao động nhập cư). Tập trung hỗ trợ người khuyết tật, gia đình chính sách, trẻ em, người cao tuổi, vùng sâu vùng xa, đồng bào dân tộc.

Phát triển bền vững văn hóa - xã hội trên cơ sở gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Tiếp tục hoàn thiện chính sách, nâng cao mức sống người có công, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an sinh xã hội. Cải cách chính sách tiền lương, tiền công theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với tăng năng xuất lao động. Triển khai cơ chế đối thoại và thỏa thuận về tiền lương giữa các bên.

Bảo đảm mức sống tối thiểu của người lao động, mức tối thiểu về các dịch vụ xã hội cơ bản cho con người như giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, thông tin. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh ở tất cả các tuyến. Nhân rộng mô hình bệnh viện vệ tinh và bác sĩ gia đình. Tăng cường nhân lực y tế cho khu vực nông thôn, miền núi, biên giới và hải đảo.

Sớm hoàn thiện khung pháp lý về quan hệ lao động để thực hiện nghiêm chỉnh các cam kết quốc tế. Củng cố và phát huy vai trò Tổng công Liên đoàn Lao động Việt Nam trong việc bảo vệ quyền lợi của người lao động, xử lý thỏa đáng và kịp thời các vấn đề nảy sinh trong vấn đề lao động, việc làm, quan hệ lao động, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

Tập trung thực hiện hiệu quả Chương trình xây dựng nông thôn mới. Phấn đấu đến năm 2020 khoảng 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới. Rà soát hoàn thiện cơ chế chính sách và tiêu chí xây dựng nông thôn mới phù hợp với đặc thù từng vùng. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước, tín dụng ưu đãi và huy động các nguồn lực ngoài nhà nước để đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế xã hội ở nông thôn.

Tăng cường liên kết giữa các địa phương trong vùng, giữa các vùng trong cả nước để phát huy tối đa tiềm năng là lợi thế của từng vùng, từng địa phương; đẩy mạnh phát triển vùng biên, ven biển và hải đảo; gắn phát triển các ngành kinh tế gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia.

Môi trường

Tăng cường quản lý nhà nước, hoàn thiện cơ chế chính sách và thực hiện đồng bộ các giải pháp chủ động quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó

với biến đổi khí hậu. Chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm. Thực hiện quy chuẩn, tiêu chuẩn phát thải theo lộ trình phù hợp.

Cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của người dân. Kiểm soát chặt chẽ nguồn ô nhiễm. Hạn chế, tiến tới ngăn chặn hoàn toàn tình trạng ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, lưu vực sông, khu công nghiệp, vùng biển, khu đô thị. Tập trung xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng. Kiểm soát chất lượng không khí ở khu vực đô thị mật độ dân cư cao.

Xây dựng và thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với người tiêu dùng và đối với môi trường. Thúc đẩy xã hội hóa công tác vệ sinh môi trường và bảo vệ môi trường. Mỗi người dân phải là một người giám sát một chiến sĩ bảo vệ môi trường để kịp thời ngăn chặn, thông báo, tố cáo những hành vi vi phạm, hủy hoại môi trường.

Tăng cường bảo vệ và phát triển rừng, nhất là rừng phòng hộ ven biển, rừng đầu nguồn, rừng đặc dụng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

Các lĩnh vực khác

Đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực người học. Theo đó: (i) đổi mới phương pháp dạy và học, hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả, (ii) hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập, (iii) tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục đào tạo, (iv) đẩy nhanh phổ cập tiếng Anh, hướng tới mục tiêu học sinh tốt nghiệp cấp trung học phổ thông đạt IELTS mức 6.5.

Hoàn thiện chiến lược, chính sách phát triển cơ sở hạ tầng giao thông bảo đảm tính kết nối, gia tăng liên kết vùng, phát triển hệ thống phân phối và lưu thông hàng hóa, nhằm góp phần nâng cao sức hấp dẫn môi trường đầu tư của Việt Nam, tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế, giảm chi phí trung gian cho các doanh nghiệp.

Hoàn thiện chiến lược, chính sách phát triển cơ sở hạ tầng khoa học - công nghệ phù hợp để theo kịp trình độ phát triển và đón bắt những cơ hội của cuộc cách mạng công nghệ lần thứ 4, Đặc biệt chú trọng phát triển công nghệ thông tin, hạ tầng công nghệ mạng, máy tính bảo đảm đáp ứng được yêu cầu mới như công nghệ số, công nghệ 3D, công nghệ Nano, công nghệ biến đổi gen, kết nối vạn vật (internet of things)...

Cần sớm phát triển hệ thống đào tạo, dạy nghề, hỗ trợ doanh nghiệp trong nước trước khi đi vào triển khai các FTA thế hệ mới và Cộng đồng Kinh tế ASEAN. Chủ động nghiên cứu các quy định, tiêu chuẩn mới về lao động trong các FTA thế hệ mới để xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp và phát triển nguồn nhân lực, bảo đảm ổn định lực lượng sản xuất. Đặc biệt đối với các doanh nghiệp xuất khẩu, cần lưu ý các quy định về điều kiện lao động, cấm sử dụng lao động trẻ

em để phòng ngừa nguy cơ hàng hóa xuất khẩu bị trả lại do vi phạm quy định của các hiệp định.

Phát triển hiệu quả, lành mạnh hệ thống báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình đáp ứng yêu cầu xây dựng, bảo vệ đất nước và nhu cầu thụ hưởng ngày càng cao của nhân dân trong thời kỳ hội nhập.

III. Tổ chức thực hiện:

- Đảng đoàn Quốc hội xây dựng chương trình sửa đổi, bổ sung, từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật, đáp ứng các yêu cầu xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và cam kết quốc tế của Việt Nam trong đó có các hiệp định kinh tế, thương mại mới.

- Ban cán sự đảng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia về Hội nhập quốc tế xây dựng và chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết.

- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy quán triệt Nghị quyết trong đảng viên, cán bộ, công chức, xây dựng chương trình hành động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình.

- Ban Tuyên giáo Trung ương hướng dẫn việc học tập, quán triệt Nghị quyết, chỉ đạo công tác tuyên truyền, tạo nhận thức đúng trong toàn bộ hệ thống chính trị, toàn dân, toàn quân tạo sức mạnh tổng hợp bảo đảm hội nhập hiệu quả giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

- Văn phòng Trung ương Đảng phối hợp với các ban đảng và các tổ chức đảng theo dõi, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị tình hình thực hiện Nghị quyết, hàng năm báo cáo Ban chấp hành Trung ương.

Nghị quyết này phổ biến đến chi bộ./.

**T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ**